

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 102_AFF/Ân Nam/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH Thực phẩm ÂN NAM**

Địa chỉ: 41 Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3512 6400 Fax: 028.3512 6401

Email: info@annam-finefood.com

Mã số doanh nghiệp: 0302314179

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Viên ngậm thảo mộc Ricola LemonMint không đường**

2. Thành phần: Chất tạo ngọt tổng hợp isomalt 96%, chiết xuất thảo mộc 0,3%, nước ép cà rốt cô đặc 0,1% (phụ gia thực phẩm (chất điều chỉnh độ acid: acid citric, chất tạo ngọt tổng hợp: isomalt), chất tạo ngọt nhân tạo (sucralose (trichlorogalacto sucrose), acesulfam kali)), hương liệu tự nhiên (dầu cam chanh, dầu bạc hà, tinh dầu bạc hà).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 17,5 g/ gói.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng kín trong túi PE, bên ngoài là hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Xuất xứ hàng hóa:

Sản xuất tại: Ricola AG

Địa chỉ: Baselstrasse 31, 4242 Laufen, Thụy Sĩ

Xuất xứ: Thụy Sĩ

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm Nhãn sản phẩm có dịch thuật tiếng Việt và Nhãn phụ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.



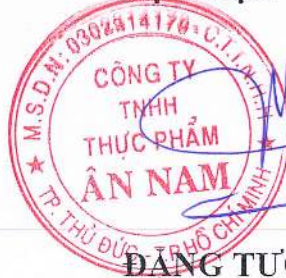
Các chỉ tiêu an toàn thực phẩm công bố theo sản phẩm trên:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn
Vi sinh vật			
1	TSVSVHK	cfu/g	10000
2	Coliforms	cfu/g	10
3	E.coli	mpn/g	3
4	S.aureus	cfu/g	10
5	Cl.perfringens	cfu/g	10
6	B.cereus	cfu/g	10
7	TSBTNM-M	cfu/g	100
Kim loại nặng			
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
Độc tố vi nấm			
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



ĐẶNG TƯỜNG LINH

NỘI DUNG NHÃN PHỤ



Tên sản phẩm: Viên ngậm thảo mộc Ricola LemonMint không đường

Tổng số phần ăn: 7; **Kích cỡ một phần ăn:** 2,5 g.

Thành phần dinh dưỡng trên một phần ăn: Năng lượng 10 kcal; Chất béo 0 g; Protein 0 g; Carbohydrate 2 g; Đường tổng số 0 g; Natri 0 mg.

Thành phần: Chất tạo ngọt tổng hợp isomalt 96%, chiết xuất thảo mộc 0,3%, nước ép cà rốt cô đặc 0,1% (phụ gia thực phẩm (chất điều chỉnh độ acid: acid citric, chất tạo ngọt tổng hợp: isomalt), chất tạo ngọt nhân tạo (sucralose (trichlorogalacto sucrose), acesulfam kali)), hương liệu tự nhiên (dầu cam chanh, dầu bạc hà, tinh dầu bạc hà).

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng tốt nhất.

Sử dụng tốt nhất trước: Xem mặt sau bao bì.

Thông tin cảnh báo: Dùng quá mức có thể gây nhuận tràng (ví dụ: 10 viên trong 1 - 2 tiếng).

Khối lượng tịnh: 17,5 g.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp không qua xử lý nhiệt.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nơi tránh nhiệt độ cao và độ ẩm.

XUẤT XỨ HÀNG HÓA:

Sản xuất tại: Ricola AG

Địa chỉ: Baselstrasse 31, 4242 Laufen, Thụy Sĩ

Xuất xứ: Thụy Sĩ

Công ty nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY TNHH Thực phẩm ÂN NAM

Địa chỉ: 41 Thảo Điền, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3512 6400 Fax: 028.3512 6401

Website: <http://annam-finefood.com>

Số Tự công bố: 102_AFF /Ân Nam/2024



Handwritten signature in blue ink.

Mẫu nhãn sản phẩm: Viên ngậm thảo mộc Ricola LemonMint không đường 17,5 g



Mẫu nhãn sản phẩm: Viên ngậm thảo mộc Ricola LemonMint không đường 17,5g



เลมอน มินต์ ซูการ์ฟรี (ลูกอมสมุนไพรปราศจากน้ำตาลสมินต์ กลิ่นเลมอน) (ตรารีโกลา) Lemon Mint Sugar Free (Ricola®)

ส่วนประกอบที่สำคัญโดยประมาณ : ไอโซมอลต์ 96%

ส่วนผสม : 0.3% น้ำเชื่อมมะนาว 0.1% (วัตถุเจือปนอาหาร (กรดซิตริก, ไอโซมอลต์), เพื่อให้ความหวานแทนน้ำตาล (ซูคราโลส, แอสซัลเทียมโพแทสเซียม))

เลขทะเบียนการค้า **10-3-11523-5-1703**

ควมรวิโภค่อน (วัน เดือน ปี) : ระบบบรรจุภัณฑ์ Lot No.

ผู้ผลิต : บริษัท ซี.เอส. คอนแทรค แฟกทอรี่ จำกัด
ประเทศมาเลเซีย

ผู้นำเข้าและจัดจำหน่าย : บริษัท ซี.เอ็ม. เอช. จำกัด
(ไทยแลนด์) จำกัด 122/2-3 ถนนฉัตร แขวงช่องนนทรี
เขตยานนาวา กรุงเทพมหานคร 10120 โทร. 0-2681-5061

คุณสมบัติทางเภสัชวิทยาของผลิตภัณฑ์ : ผลิตภัณฑ์สมุนไพร
คำเตือน : ไม่ใช่อาหารสำหรับควบคุมน้ำหนัก

ข้อมูลโภชนาการ

หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 เม็ด (2.5 กรัม)
จำนวนหน่วยบริโภคต่อซอง : 7

คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค
พลังงานทั้งหมด 10 กิโลแคลอรี

ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภค		
ไขมันทั้งหมด	0 g.	0%
โปรตีน	0 g.	0%
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	2 g.	1%
น้ำตาล	0 g.	0%
โซเดียม	0 mg.	0%

*ข้อมูลโภชนาการนี้ไม่ได้ใช้เพื่อวัตถุประสงค์ในการวินิจฉัยหรือรักษาโรคใด ๆ และไม่ได้แทนที่คำแนะนำทางการแพทย์จากผู้เชี่ยวชาญ

คำเตือน : หลีกเลี่ยงความร้อนและความชื้น

7 610700 922231

9015271 TH

17,5g net น้ำหนักสุทธิ 17.5 กรัม

Product of Switzerland.

Pack'd in Malaysia for Ricola AG, Baselstrasse 31,
4242 Laufen, Switzerland

Ricola

A - T

Son

ผู้ผลิต: บริษัท ดีซีเอส คอนแทรกต์ แมนแฟคเจอริง จำกัด ประเทศไทย ผู้นำเข้าและจัดจำหน่าย: บริษัท ซิโน-แปซิฟิก เทรดดิ้ง (ไทยแลนด์) จำกัด 122/2-3 ถนนนนทบุรี แขวงช่องนนทรี เขตยานนาวา กรุงเทพฯ 10120 โทร. 0-2681-5081 ลูกอมผลิตจากประเทศสวิตเซอร์แลนด์ แบ่งบรรจุที่ประเทศไทย คำเตือน: ไม่ใช่อาหารสำหรับควบคุมน้ำหนัก	Nhà sản xuất: DCH Contract Manufacturing Sdn. Bhd. Nhà nhập khẩu và phân phối: Sino-Pacific Trading (Thailand) Co., Ltd; 122/2-3 Nonsi Road Chongnonsi, Yannawa Bangkok, 10120 ĐT: 0-2681-5081 Viên ngậm sản xuất tại Thụy Sĩ, đóng gói tại Malaysia Khuyến cáo: Không sử dụng khi đang kiểm soát cân nặng																																																																								
<table><tr><td colspan="3">ข้อมูลโภชนาการ</td></tr><tr><td colspan="3">หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 เม็ด (2.5 กรัม)</td></tr><tr><td colspan="3">จำนวนหน่วยบริโภคต่อ ซอง : 7</td></tr><tr><td colspan="3">คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค</td></tr><tr><td colspan="3">พลังงานทั้งหมด 10 กิโลแคลอรี</td></tr><tr><td colspan="3">ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภคต่อวัน*</td></tr><tr><td>ไขมันทั้งหมด</td><td>0 ก.</td><td>0%</td></tr><tr><td>โปรตีน</td><td>0 ก.</td><td></td></tr><tr><td>คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด</td><td>2 ก.</td><td>1%</td></tr><tr><td>น้ำตาล</td><td>0 ก.</td><td></td></tr><tr><td>โซเดียม</td><td>0 มก.</td><td>0%</td></tr><tr><td colspan="3">* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี</td></tr></table>	ข้อมูลโภชนาการ			หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 เม็ด (2.5 กรัม)			จำนวนหน่วยบริโภคต่อ ซอง : 7			คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค			พลังงานทั้งหมด 10 กิโลแคลอรี			ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภคต่อวัน*			ไขมันทั้งหมด	0 ก.	0%	โปรตีน	0 ก.		คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	2 ก.	1%	น้ำตาล	0 ก.		โซเดียม	0 มก.	0%	* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี			<table><tr><td colspan="3">Thông tin dinh dưỡng</td></tr><tr><td colspan="3">Mỗi khẩu phần: 1 viên (2,5 g)</td></tr><tr><td colspan="3">Số khẩu phần/gói: 7</td></tr><tr><td colspan="3">Giá trị dinh dưỡng/ khẩu phần</td></tr><tr><td colspan="3">Tổng năng lượng: 10 kcal</td></tr><tr><td colspan="3">Hàm lượng khuyến dùng hàng ngày*</td></tr><tr><td>Tổng chất béo</td><td>0 g</td><td>0%</td></tr><tr><td>Protein</td><td>0 g</td><td></td></tr><tr><td>Carbohydrate</td><td>2 g</td><td>1%</td></tr><tr><td>Đường</td><td>0 g</td><td></td></tr><tr><td>Natri</td><td>0 mg</td><td>0%</td></tr><tr><td colspan="3">* Hàm lượng khuyến dùng đối với người Thái từ 6 tuổi trở lên tính theo nhu cầu năng lượng 2.000 kcal/ngày.</td></tr></table>	Thông tin dinh dưỡng			Mỗi khẩu phần: 1 viên (2,5 g)			Số khẩu phần/gói: 7			Giá trị dinh dưỡng/ khẩu phần			Tổng năng lượng: 10 kcal			Hàm lượng khuyến dùng hàng ngày*			Tổng chất béo	0 g	0%	Protein	0 g		Carbohydrate	2 g	1%	Đường	0 g		Natri	0 mg	0%	* Hàm lượng khuyến dùng đối với người Thái từ 6 tuổi trở lên tính theo nhu cầu năng lượng 2.000 kcal/ngày.		
ข้อมูลโภชนาการ																																																																									
หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 เม็ด (2.5 กรัม)																																																																									
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ ซอง : 7																																																																									
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค																																																																									
พลังงานทั้งหมด 10 กิโลแคลอรี																																																																									
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภคต่อวัน*																																																																									
ไขมันทั้งหมด	0 ก.	0%																																																																							
โปรตีน	0 ก.																																																																								
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	2 ก.	1%																																																																							
น้ำตาล	0 ก.																																																																								
โซเดียม	0 มก.	0%																																																																							
* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี																																																																									
Thông tin dinh dưỡng																																																																									
Mỗi khẩu phần: 1 viên (2,5 g)																																																																									
Số khẩu phần/gói: 7																																																																									
Giá trị dinh dưỡng/ khẩu phần																																																																									
Tổng năng lượng: 10 kcal																																																																									
Hàm lượng khuyến dùng hàng ngày*																																																																									
Tổng chất béo	0 g	0%																																																																							
Protein	0 g																																																																								
Carbohydrate	2 g	1%																																																																							
Đường	0 g																																																																								
Natri	0 mg	0%																																																																							
* Hàm lượng khuyến dùng đối với người Thái từ 6 tuổi trở lên tính theo nhu cầu năng lượng 2.000 kcal/ngày.																																																																									
	Ricola																																																																								

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ÂN NAM

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Đã ký và đóng dấu)

ĐẶNG TUỜNG LINH

18

u

Son

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.

Người dịch



Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2024 (Ngày hai mươi tám, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành *2* bản chính, mỗi bản gồm *3* tờ, *3* trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 31798 Quyển số: 01/2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Trần Thị Huyền

Tôi, Nguyễn Hồng Sơn, Căn cước công dân số: 036083005650 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/06/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/văn bản này từ tiếng Thái Lan sang tiếng Việt.

Người dịch

Son

Nguyễn Hồng Sơn

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2024 (Ngày hai mươi tám, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do ông Nguyễn Hồng Sơn, Căn cước công dân số: 036083005650 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/06/2022 là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Thái Lan sang tiếng Việt.

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Nguyễn Hồng Sơn;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 2 bản chính, mỗi bản gồm 3 tờ, 3 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 31799 Quyền số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Trần Thị Huyền



ข้อมูลโภชนาการ		
หนึ่งหน่วยบริโภค : 1 เม็ด (2.5 กรัม)		
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ ซอง : 7		
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค		
พลังงานทั้งหมด 10 กิโลแคลอรี		
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภคต่อวัน*		
ไขมันทั้งหมด	0 ก.	0%
โปรตีน	0 ก.	
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	2 ก.	1%
น้ำตาล	0 ก.	
โซเดียม	0 มก.	0%
*ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี		

เลมอน มินต์ ซูกัฟรี้ (ลูกอมสมุนไพรปราศจากน้ำตาลสมินต์ กลิ่นเลมอน) (ตรา Ricola) Lemon Mint Sugar Free (Ricola®)

คำแนะนำ : หลีกเลี่ยงความร้อนและความชื้น

7 610700 922231

17,5 g net น้ำหนักสุทธิ 17.5 กรัม

Product of Switzerland.

Packed in Malaysia for: Ricola AG, Baselstrasse 31, 4242 Laufen, Switzerland

ผลิต : บริษัท ดิซีเอช คอนแทรกต์ แมนูแฟกเจอริง จำกัด
ประเทศมาเลเซีย

นำเข้าและจัดจำหน่าย : บริษัท ซีโน แปซิฟิค เทรคคิง
(ไทยแลนด์) จำกัด 122/2-3 ถนนนนทบุรี แขวงช่องนนทรี
เขตยานนาวา กรุงเทพฯ 10120 โทร. 0-2681-5081

ลูกอมผลิตจากประเทศสวิตเซอร์แลนด์ แบ่งบรรจุที่ประเทศมาเลเซีย

คำเตือน : ไม่ใช่อาหารสำหรับควบคุมน้ำหนัก

ส่วนประกอบที่สำคัญโดยประมาณ : ไอโซมอลต์ 96%
สมุนไพรมะนาว 0.3% น้ำแครอทเข้มข้น 0.1% วัตถุเจือปนอาหาร
(กรดซิตริก, ไอโซมอลต์), วัตถุให้ความหวานแทนน้ำตาล
(ซูคราโลส, แอสซัลเฟมโพแทสเซียม)

แจ้งสรรพสามติ 10-3-11523-5-1703

ควรบริโภคก่อน (วัน เดือน ปี) : ระบุที่บรรจุภัณฑ์
Lot N°:

พาสเจอร์

ไขมันต่ำ
โปรตีน
คาร์โบไฮ
เดรต
โซเดียม

ร้อยละของ
6 ปีขึ้นไป (T)

MS1500
1 034-07/2021

Ricola

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ÂN NAM

DANG TUONG LINH

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00020837
Mã số kết quả : AR-24-VD-023545-02-VI / EUVNHC-00255709



Công Ty TNHH Thực Phẩm Ấn Nam
41 Thảo Điền, Phường Thảo Điền
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Viên ngậm thảo mộc Ricola LemonMint không đường
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 24/02/2024
Thời gian thử nghiệm : 24/02/2024 - 29/02/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 01/03/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2402231722-CB

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
10	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
11	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 20/06/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 20/06/2024.

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 24/05/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-023545-01/743-2024-00020837, xuất ngày 04/03/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00020838
Mã số kết quả : AR-24-VD-023546-02-VI / EUVNHC-00255709



Công Ty TNHH Thực Phẩm Ân Nam

41 Thảo Điền, Phường Thảo Điền
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Viên ngậm thảo mộc Ricola LemonMint không đường
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 24/02/2024
Thời gian thử nghiệm : 26/02/2024 - 28/02/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 29/02/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2402231722-CB



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD263 VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	Không phát hiện (LOD=0.1)
2	VD543 VD Năng lượng tổng (tính theo Carbohydrat tổng, chất đạm, chất béo)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	397
3	VD1NX VD (a) Béo	g/ 100 g	TCVN 4072:2009	Không phát hiện (LOD=0.1)
4	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	Không phát hiện (LOD=0.5)
5	VDCA9 VD (a) Carbohydrates	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3: 2003	99.2
6	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)

(*) Năng lượng tính theo hệ số carbohydrate là 4
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 20/06/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 20/06/2024.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-023546-01/743-2024-00020838, xuất ngày 04/03/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





Certificate

The SQS herewith attests that the organisation named below has a management system that meets the requirements of the normative base mentioned.



Ricola AG
Baselstrasse 31
4242 Laufen
Switzerland

Further sites according to appendix

Scope

Fabrication of and trading with products on herb basis, confectionery or similar products, pharmaceutical products.

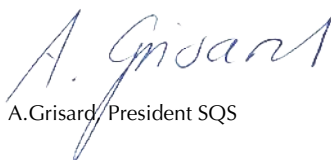
Normative base

ISO 9001:2015

Quality Management System

Reg. no. H10637
Page 1 of 2

Validity 01.08.2023 – 31.07.2026
Issue 31.07.2023


A. Grisard, President SQS


F. Müller, CEO



Swiss Association for Quality and Management Systems (SQS)
Bernstrasse 103, 3052 Zollikofen, Switzerland





Ricola AG
Baselstrasse 31
4242 Laufen
Switzerland

Central function	Scope	Norm / Revision	Reg. no.	Validity
Ricola AG Baselstrasse 31 4242 Laufen Switzerland	Fabrication of and trading with products on herb basis, confectionery or similar products, pharmaceutical products.	ISO 9001:2015	H10637	01.08.2023 31.07.2026
Locations	Scope	Norm / Revision	Reg. no.	Validity
Ricola AG Wahlenstrasse 101 und 105 4242 Laufen Switzerland	Production of herbal hard candies. Drying, cutting and mixing of herbs.	ISO 9001:2015	H10637	01.08.2023 31.07.2026
Ricola Europe SAS Rue de l'ill 68350 BRUNSTATT France	Packaging of herbal hard candies.	ISO 9001:2015	H10637	01.08.2023 31.07.2026
Ricola AG Baselstrasse 89 4242 Laufen Switzerland	Production and packaging of herb pastilles, herb pearls and instant tea as well as packaging of hard candies.	ISO 9001:2015	H10637	01.08.2023 31.07.2026
Ricola Schweiz AG Baselstrasse 160 4242 Laufen Switzerland	Fabrication of and trading with products on herb basis, confectionery or similar products, pharmaceutical products.	ISO 9001:2015	H10637	01.08.2023 31.07.2026

Reg. no. H10637
Page 2 of 2

Validity 01.08.2023 – 31.07.2026
Issue 31.07.2023

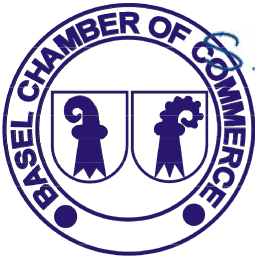

A. Grisard, President SQS


F. Müller, CEO



Swiss Association for Quality and Management Systems (SQS)
Bernstrasse 103, 3052 Zollikofen, Switzerland



Exporteur Exportateur Esportatore Exporter Ricola AG Baselstrasse 31 CH-4242 Laufen Switzerland		Page1/1 Nr. No.1363162	
Empfänger Destinataire Destinatario Consignee Annam Fine Food Co., Ltd 41 Thao Dien Thao Dien Ward, Thu Duc City HO CHI MINH CITY Vietnam		URSPRUNGSZEUGNIS CERTIFICAT D'ORIGINE CERTIFICATO D'ORIGINE CERTIFICATE OF ORIGIN SCHWEIZERISCHE EIDGENOSSENSCHAFT CONFÉDÉRATION SUISSE CONFEDERAZIONE SVIZZERA SWISS CONFEDERATION  UrsprungslandSwitzerland Pays d'origine Paese d'origine Country of origin	
Angaben über die Beförderung (Ausfüllung freigestellt) Informations relatives au transport (mention facultative) Informazioni riguardanti il trasporto (indicazione facoltativa) Particulars of transport (optional declaration)		Bemerkungen Observations Osservazioni Observations PO AFF10433 Invoice No. 92028717 of 23.05.2024 Country of Origin: Switzerland	
Zeichen, Nummern, Anzahl und Art der Packstücke; Warenbezeichnung Marques, numéros, nombre et nature des colis; désignation des marchandises Marche, numeri, numero e natura dei colli; designazione delle merci Marks, numbers, number and kind of packages, description of the goods 70 cases Ricola Swiss Herb Candy Lemon Mint 100g 90 cases Ricola Swiss Herb Candy Original Herb 100g 168 cases Ricola Swiss Herb Candy Sugar Free Lemon Mint 40g 168 cases Ricola Swiss Herb Candy Sugar Free Apple Mint 40 		Nettogewicht Poids net Peso netto Net weight kg, l, m3 etc./ecc. 1'008.000 kg 1'296.000 kg 806.400 kg 806.400 kg Bruttogewicht Poids brut Peso lordo Gross weight 5'129.120 kg	
Die unterzeichnete Handelskammer bescheinigt den Ursprung oben bezeichneter Ware La Chambre de commerce soussignée certifie l'origine des marchandises désignées ci-dessus La sottoscritta Camera di commercio certifica l'origine delle merci summenzionate The undersigned Chamber of commerce certifies the origin of the above mentioned goods   Certificate of Origin Accredited Chamber CH2001101  S. Mundwiler Handelskammer Leider Basel Chambre de Commerce de Bâle Camera di Commercio di Basilea Basel Chamber of Commerce Sandra Mundwiler Basel,24.10.2024 To verify this document visit certificates.iccwbo.org. Security code: 0B00-002G-TJB0-BAAI			